

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình/một phần
thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-BKHCN ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Danh mục Thủ tục hành chính đủ điều kiện để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1395/TTr-SKHCHN ngày 16/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình/một phần thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nguyễn Văn Thi', written in a cursive style.

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Ghi chú
I	Danh mục TTHC trực tuyến toàn trình			
	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
1	2.002248. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Cấp tỉnh	
2	2.002249. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Cấp tỉnh	
3	2.002544. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Cấp tỉnh	
4	2.002546. 000.00.00.H56	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
5	2.002548. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Cấp tỉnh	
6	2.001179. 000.00.00.H56	Thủ tục xác nhận hàng hoá sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
7	2.002278. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
8	2.001525. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
9	1.011812. 000.00.00.H56	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Cấp tỉnh	

10	1.011818.H56	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh	
11	1.011820.H56	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh	
12	1.011814. 000.00.00.H56	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Cấp tỉnh	
13	1.011815. 000.00.00.H56	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Cấp tỉnh	
14	1.011816. 000.00.00.H56	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Cấp tỉnh	
15	1.001786. 000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
16	1.001716. 000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
Lĩnh vực sở hữu trí tuệ				
17	1.011939.H56	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Cấp tỉnh	Chuyên từ một phần lên toàn trình
Lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng				
18	2.002253.H56	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	Cấp tỉnh	
19	2.001277. 000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hoá sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Cấp tỉnh	
20	2.001207. 000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Cấp tỉnh	
21	2.001209. 000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Cấp tỉnh	

22	2.001259. 000.00.00.H56	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhóm 2 nhập khẩu	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
23	1.001392. 000.00.00.H56	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hoá nhóm 2 nhập khẩu	Cấp tỉnh	Chuyển từ một phần lên toàn trình
24	2.001501. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Cấp tỉnh	
25	2.000212. 000.00.00.H56	Thủ tục Công bố đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng	Cấp tỉnh	
26	1.000449. 000.00.00.H56	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Cấp tỉnh	
Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân				
27	2.002385. 000.00.00.H56	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Cấp tỉnh	
28	2.002379. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	Cấp tỉnh	
Lĩnh vực bưu chính				
29	1.003659. 000.00.00.H56	Cấp giấy phép bưu chính	Cấp tỉnh	
30	1.003687. 000.00.00.H56	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	Cấp tỉnh	
31	1.003633. 000.00.00.H56	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	Cấp tỉnh	
32	1.004379. 000.00.00.H56	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Cấp tỉnh	
33	1.004470. 000.00.00.H56	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Cấp tỉnh	
34	1.005442. 000.00.00.H56	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Cấp tỉnh	

35	1.010902. 000.00.00.H56	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính	Cấp tỉnh	
II	Danh mục TTHC dịch vụ công trực tuyến một phần			
	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ			
1	3.000259.H56	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt nam	Cấp tỉnh	
2	1.008377. 000.00.00.H56	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	Lên một phần
3	1.011819.H56	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh	Chuyển từ toàn trình xuống một phần
4	2.001143. 000.00.00.H56	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	Chuyển từ toàn trình xuống một phần
5	2.002502. 000.00.00.H56	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Cấp tỉnh	Chuyển từ toàn trình xuống một phần
6	2.001137. 000.00.00.H56	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	Chuyển từ toàn trình xuống một phần
7	1.002690. 000.00.00.H56	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	Cấp tỉnh	Chuyển từ toàn trình xuống một phần

8	2.001643. 000.00.00.H56	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương, để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Cấp tỉnh	Chuyển từ toàn trình xuống một phần
9	2.002709.H56	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh	
10	2.002710.H56	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh	
11	2.002722.H56	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh	
12	2.002723.H56	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh	Chuyển từ dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến lên một phần
13	2.002724.H56	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh	
14	2.002711.H56	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh	
15	2.000079. 000.00.00.H56	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Cấp tỉnh	
16	2.002144.H56	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Cấp tỉnh	
17	1.012353.H56	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	Cấp tỉnh	
18	1.006427.H56	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Cấp tỉnh	

19	1.001747. 000.00.00.H56	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
20	1.001677. 000.00.00.H56	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
21	1.001770. 000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
22	1.001693. 000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
23	1.008377. 000.00.00.H56	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	Cấp tỉnh	
24	1.008379. 000.00.00.H56	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	Cấp tỉnh	Lên một phần
Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân				
25	2.002380. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Cấp tỉnh	
26	2.002381. 000.00.00.H56	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Cấp tỉnh	
27	2.002382. 000.00.00.H56	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Cấp tỉnh	
28	2.002383. 000.00.00.H56	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Cấp tỉnh	
29	2.002384. 000.00.00.H56	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Cấp tỉnh	
Lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng				
30	2.001208. 000.00.00.H56	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	Cấp tỉnh	
31	2.001100. 000.00.00.H56	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	Cấp tỉnh	
32	2.001269. 000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng Quốc gia	Cấp tỉnh	

	Lĩnh vực sở hữu trí tuệ			
33	1.011938.H56	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Cấp tỉnh	Chuyển từ toàn trình xuống một phần
34	1.011937.H56	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Cấp tỉnh	Chuyển từ toàn trình xuống một phần